

SỬ DỤNG THANG ĐO TÍNH CÁCH NĂM NHÂN TỐ RÚT GỌN (BFI - S) TRÊN NHÓM KHÁCH THỂ NGƯỜI VIỆT NAM

Nghiên cứu này được tài trợ bởi Quỹ phát triển Khoa học và Công nghệ Quốc gia (Nafosted) trong đề tài: *Những yếu tố ảnh hưởng đến hạnh phúc con người*; Mã số 501.01-2016.02; PGS.TS. Trương Thị Khánh Hà làm chủ nhiệm.

PGS.TS. Trương Thị Khánh Hà

ThS. Trần Hà Thu

Khoa Tâm lý học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

TÓM TẮT

Bài viết trình bày khái quát quá trình phát triển hai thang đo Tính cách năm nhân tố (Big Five Inventory) đầy đủ và rút gọn. Kết quả khảo sát bằng thang đo Tính cách năm nhân tố rút gọn 15 mệnh đề (item) (BFI - S) của Lang và đồng nghiệp (2011), trên 344 người Việt Nam đầu tuổi trưởng thành từ 25 đến 40 tuổi (194 nữ, 150 nam) cho thấy, các mệnh đề nghịch đảo trong thang đo không đảm bảo độ tin cậy và độ hiệu lực. Sau khi loại bỏ các mệnh đề nghịch đảo, thang đo có độ tin cậy cao và cấu trúc ổn định, phù hợp với cấu trúc 5 mặt tính cách của thang đo gốc. Kết quả nghiên cứu cho thấy, đặc điểm tính cách nổi trội của nhóm khách thể là dễ mến và tận tâm, đặc điểm có biểu hiện thấp nhất là tính sẵn sàng trải nghiệm. Nữ có tính nhiều tâm và hướng ngoại cao hơn nam, trong khi nam có tính sẵn sàng trải nghiệm cao hơn nữ. Tính nhiều tâm tương quan nghịch một cách có ý nghĩa với tuổi và điều kiện kinh tế, tính dễ mến tương quan thuận với tuổi, các hệ số tương quan này được ghi nhận ở mức yếu.

Từ khóa: Thang đo Tính cách năm nhân tố.

Ngày nhận bài: 1/9/2017; Ngày duyệt đăng bài: 25/9/2017.

ABSTRACT

This article outlines the process of developing full and then shortened Big Five Inventories. Result of research on 344 Vietnamese persons aged from 25 to 40 (194 females, 150 males), using Big Five Inventory 15 items, (BFI - S) (Lang et al., 2011) shows that all of inversed items do not guarantee necessarily reliability and validity. After removing the inversed items, the scale has a high reliability and a stable structure,

consistent with the five-factor structure of the original Big Five Inventory - 15 items. Results also show that the scores of agreeableness (A) and conscientiousness (C) are highest, while the score of openness to experience (O) is lowest among big five personality dimensions. The scores of neuroticism (N) and extraversion (E) of woman are higher than men, while men are more open to experience than women. There are significantly negative correlations between neuroticism and age, neuroticism and economic conditions, significantly positive correlations between agreeableness and age. However those correlations are weak.

Keywords: Big Five Personality Inventory.

1. Giới thiệu chung về thang đo Tính cách năm nhân tố (Big Five Inventory)

Thang đo Tính cách *Neuroticism Extraversion - Openness Inventory* (NEO-I) được các tác giả Costa và McCrae đưa ra vào năm 1978. Ban đầu thang đo chỉ đánh giá ba đặc điểm tính cách là tính nhiều tâm (*neuroticism*), tính hướng ngoại (*extraversion*) và tính cởi mở (*openness*). Sau khi sử dụng thang đo trong các nghiên cứu theo chiều dọc ở người trưởng thành (Mỹ), các tác giả đã bổ sung thêm hai đặc điểm tính cách là tính dễ mến (*agreeableness*) và tính tận tâm (*conscientiousness*) (Costa và McCrae, 1985). Năm 1985, Costa và McCrae đã xuất bản cuốn sách hướng dẫn đầu tiên về NEO, bao gồm năm đặc điểm tính cách và đã đổi tên thang đo thành *NEO Personality Inventory* (NEO-PI). Trong phiên bản này, "NEO" được coi là một phần tên của thang đo chứ không còn là các chữ viết tắt của 3 đặc điểm tính cách như lúc đầu (Costa và McCrae, 1985). Năm 1990, các tác giả tiếp tục đưa ra phiên bản thứ ba với tên gọi *Revised NEO Personality Inventory* (NEO PI-R). Những nghiên cứu sử dụng trắc nghiệm NEO PI-R đã chứng minh rằng mô hình 5 nhân tố có thể giải thích cho những mặt cơ bản của cấu trúc nhân cách. Thang NEO PI-R gồm 240 mệnh đề (item) nhằm đánh giá 5 đặc điểm tính cách, mỗi đặc điểm tính cách được đo bằng một tiểu thang đo gồm 6 thành phần, mỗi thành phần gồm 8 item (Costa và McCrae, 1992).

Trong quá trình nghiên cứu, các tác giả Costa và McCrae đã nhận thấy một số item trong NEO PI-R có thể gây khó khăn cho người trả lời và thường có tương quan với các item khác ở mức thấp. Chính vì thế, các tác giả lại tiếp tục chỉnh sửa, thay thế những item không tốt bằng những item có cách diễn đạt dễ hiểu hơn. Cuối cùng, độ tin cậy bên trong của từng tiểu thang đo trong NEO PI-R rất cao: Nhiều tâm = 0,92; Hướng ngoại = 0,89; Cởi mở = 0,87; Dễ mến = 0,86; Tận tâm = 0,90 (Costa và McCrae, 2010).

Thang đo NEO PI-R đã được sử dụng một cách rộng rãi trong các nghiên cứu khác nhau trên toàn thế giới. Tuy nhiên, hạn chế lớn nhất đối với NEO PI-R 240 item là nó quá dài. Vì thế, việc ứng dụng thang đo này gặp rất

hiều khó khăn (Furnham và cộng sự, 2003). Thang đo nhiều item cho phép các nhà nghiên cứu đo lường một loạt các cấu trúc tâm lý khác nhau một cách kỹ càng. Tuy nhiên, việc trả lời một số lượng lớn câu hỏi có thể gây sự nhàm chán và mệt mỏi cho người tham gia. Điều này có thể dẫn đến các sai sót không mong muốn trong đo lường tâm lý (Schmidt, Le và Ilies, 2003). Bên cạnh đó, một thang đo quá dài có thể khiến người tham gia từ chối các khảo sát tiếp theo trong tương lai hoặc trong các nghiên cứu theo chiều dọc. Với những mối lo ngại thực tế này, các nhà nghiên cứu đã không ngừng cố gắng tạo ra các công cụ đánh giá tính cách ngắn gọn hơn (theo Donnellan và cộng sự, 2006).

2. Thang đo Tính cách năm nhân tố (BFI-S) rút gọn

Năm 1992, Costa và McCrae đưa ra phiên bản rút gọn của NEO PI-R gồm 60 item với tên gọi NEO Five-Factor Inventory (NEO-FFI) hay NEO - 60. Nếu khách thể phải mất từ 45 đến 60 phút để hoàn thành thang NEO PI-R thì họ chỉ mất 10 đến 15 phút để hoàn thành NEO-FFI. Thang đo NEO-FFI đã được sửa đổi lần đầu vào năm 2004, trong đó 15 trong số 60 item đã được thay thế cho phù hợp hơn với những người trẻ tuổi, đồng thời để đạt được hệ số tái nhân tố và độ tin cậy mạnh hơn (Costa và McCrae, 2010).

Một số thang đo Tính cách năm nhân tố (thang đo Tính cách Big Five) rút gọn, có cấu trúc tâm lý tốt, bao gồm NEO-60 (NEO-FFI, Costa và McCrae, 1992), International Personality Item Pool 50 item - Five Factor Model (IPIP-FFM, Goldberg, 1999), Big Five Inventory - 44 item (BFI, John và Srivastava, 1999) và Big Five Mini Markers 40 item (BFMM, Saucier, 1994) (dẫn theo Costa và McCrae, 2010).

Không dừng lại ở mức rút gọn nêu trên, một số tác giả cho rằng, những thang đo này có thể vẫn còn quá dài, đặc biệt là đối với các nghiên cứu trên số lượng lớn khách thể hoặc khi người trả lời không có nhiều thời gian (Donnellan và cộng sự, 2006). Vì vậy, các nhà nghiên cứu vẫn tiếp tục tìm kiếm cách thức xây dựng các thang đo Tính cách năm nhân tố ngắn gọn hơn nữa. Dưới đây, chúng tôi xin mô tả khái quát hai thang đo năm nhân tố rút gọn được sử dụng rộng rãi trong các nghiên cứu tính cách trên thế giới.

Thang đo Mini International Personality Item Pool 20 item (Mini IPIP)

Năm 2006, Donnellan và các đồng nghiệp đã thiết kế thang Mini International Personality Item Pool (Mini IPIP) gồm 20 item để đo 5 đặc điểm nhân cách theo Big five. Dựa trên các mẫu nghiên cứu là sinh viên đại học và dữ liệu gốc bao gồm tất cả các item từ International Personality Item Pool (IPIP- 50 item), các tác giả đã chọn ra 20 item (Ruth và cộng sự, 2013). Thang đo Mini - IPIP 20 item đo 5 đặc điểm tính cách: Nhiều tâm, hướng ngoại, tận tâm, dễ mến và ham hiểu biết. Các tác giả giữ nguyên tên gọi của 4 đặc điểm tính cách của

thang NEO PI-R và thay thế tính cởi mở bằng tính cách ham hiểu biết (Intellect). Mỗi mặt tính cách được đo bởi 4 mệnh đề, trong đó có 2 mệnh đề theo hướng tích cực và 2 mệnh đề theo hướng tiêu cực. Riêng tính ham hiểu biết được đo bởi 3 mệnh đề theo hướng tích cực và 1 mệnh đề theo hướng tiêu cực (Richard, 2015).

Kết quả nghiên cứu cho thấy, mức tương quan, độ tin cậy và độ hiệu lực của Mini IPIP cao, ngay cả khi được kiểm tra lại sau vài tuần và vài tháng, với Alpha của Cronbach $\geq 0,6$ (Donnellan, 2006).

Thang đo Tính cách năm nhân tố 15 item rút gọn (Big Five Inventory (BFI - S))

Năm 2011, Lang và đồng nghiệp đã thử nghiệm thang đo Tính cách năm nhân tố Big Five Inventory - Short Form (BFI - S) gồm 15 item thông qua một nghiên cứu với quy mô lớn và rất nghiêm ngặt. Thang đo BFI - S gồm 15 item, đo 5 đặc điểm tính cách: Nhiều tâm, hướng ngoại, sẵn sàng trải nghiệm, dễ mến, tận tâm. Các tác giả giữ nguyên tên gọi của 4 đặc điểm tính cách của thang NEO PI-R và thay thế tính cởi mở bằng tính sẵn sàng trải nghiệm (Openness to experience).

Nghiên cứu đã tiến hành phân tích thang BFI - S bằng ba phương pháp phỏng vấn khác nhau (phỏng vấn trực tiếp, qua điện thoại và trả lời bảng hỏi) trên mẫu khách thể đa dạng người Đức, trải dài từ lứa tuổi đầu trưởng thành đến người cao tuổi. Mục đích của nhóm tác giả là tìm xem các hình thức đánh giá khác nhau có ảnh hưởng đến độ tin cậy và sự cân bằng trong các cấu trúc nhân tố tính cách Big Five hay không (Frieder, John, Lüdtke, Schupp và Wagner, 2011). Kết quả cho thấy thang đo BFI - S 15 item có độ tin cậy Alpha của Cronbach chấp nhận được (nhiều tâm, $\alpha = 0,60$; hướng ngoại, $\alpha = 0,66$; sẵn sàng trải nghiệm, $\alpha = 0,63$; dễ mến, $\alpha = 0,50$; tận tâm, $\alpha = 0,60$). Các tác giả còn nhận thấy rằng, thang đo có độ tin cậy cao hơn khi sử dụng phương pháp điều tra bằng bảng hỏi hoặc phương pháp phỏng vấn trực tiếp. Thang đo có độ tin cậy thấp hơn khi sử dụng phương pháp khảo sát qua điện thoại. Kết quả nghiên cứu cho thấy có sự ổn định trong cấu trúc nhân tố của thang đo BFI - S. Các tác giả khẳng định thang BFI - S có thể sử dụng trong đo lường tâm lý và là một thang đo rút gọn hữu ích để đánh giá tính cách cá nhân (Frieder, John, Lüdtke, Schupp và Wagner, 2011).

Trong nghiên cứu này, chúng tôi sử dụng thang Đánh giá tính cách Big Five Inventory 15 item (BFI - S) nhằm tìm hiểu khả năng ứng dụng thang đo ngắn gọn này trên nhóm khách thể là người Việt Nam.

3. Giới thiệu nghiên cứu

3.1. *Mục tiêu:* Tìm hiểu thực trạng đặc điểm tính cách của những người đầu tuổi trưởng thành, đồng thời xác định độ tin cậy và các thành tố của thang Big Five Inventory 15 item (BFI - S) trên khách thể là người Việt Nam.

3.2. *Khách thể:* 347 người đầu tuổi trưởng thành từ 25 đến 40 tuổi, đã đi làm (trong đó có 197 nữ, 150 nam). Các yếu tố tuổi, giới tính, điều kiện kinh tế được đưa vào nhằm mục tiêu so sánh. Phiếu trả lời hoàn toàn ẩn danh và người tham gia khảo sát trên tinh thần tự nguyện.

3.3. *Thang đo:* Thang đo BFI - S gồm 15 item, đo 5 đặc điểm tính cách, mỗi mặt tính cách được đo bởi 3 mệnh đề, trong đó có 2 mệnh đề theo hướng thuận và 1 mệnh đề theo hướng nghịch. Riêng tính sẵn sàng trải nghiệm được đo bởi 3 mệnh đề đều theo hướng thuận.

Năm đặc điểm nhân cách bao gồm: *Nhiều tâm* đề cập đến những cá nhân dễ bị tổn thương và thường trải nghiệm những cảm xúc tiêu cực như lo lắng, tức giận và trầm cảm. *Hướng ngoại* đề cập đến những cá nhân ưa thích sự tụ họp, hoạt động và thường trải nghiệm những cảm xúc tích cực. *Sẵn sàng trải nghiệm* là tính cách của những cá nhân có xu hướng sáng tạo, thích sự độc đáo và dễ dàng chấp nhận những ý tưởng mới. *Dễ mến* là tính cách của những cá nhân vị tha, ấm áp, tốt bụng, đáng tin cậy. *Tận tâm* đề cập đến những cá nhân có sự tự chủ, có định hướng trong hoạt động và tuân thủ các quy tắc (Frieder, John, Lüdtke, Schupp và Wagner, 2011).

Thang đo đã được dịch từ tiếng Anh sang tiếng Việt cùng với các quy trình dịch ngược. Những người tham gia trả lời theo thang likert 7 bậc từ 1 = *Hoàn toàn không đúng* đến 7 = *Hoàn toàn đúng*. Bốn mệnh đề diễn tả theo chiều nghịch được đổi điểm trước khi phân tích.

Ngoài ra, trong bảng hỏi còn có một số thông tin cá nhân như giới tính, độ tuổi. Điều kiện kinh tế của gia đình được chính người trả lời đánh giá so với mức trung bình ở Việt Nam theo thang từ 1 (thấp hơn trung bình rất nhiều) đến 7 (cao hơn trung bình rất nhiều).

3.4. *Câu hỏi nghiên cứu:* (1) Thang đo BFI - S, 15 item, phiên bản tiếng Việt có độ tin cậy và cấu trúc ra sao? (2) Người Việt Nam đầu tuổi trưởng thành có những đặc điểm tính cách nào nổi trội nhất? (3) Có sự khác biệt hay không về đặc điểm tính cách theo giới tính, độ tuổi, điều kiện kinh tế của khách thể?

4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Độ tin cậy và độ hiệu lực cấu trúc của thang đo Big Five Inventory 15 item (BFI - S)

Sau khi đổi điểm các mệnh đề diễn tả theo chiều nghịch (item số 3, 6, 10, 14), không như mong đợi, độ tin cậy Alpha của Cronbach của toàn thang đo BFI - S khá thấp ($\alpha = 0,564$).

Điều đáng lưu ý là tất cả 4 item diễn đạt theo chiều nghịch đều có tương quan yếu với thang đo. Các thông số thống kê cho thấy nếu bỏ các item này đi thì thang đo sẽ có độ tin cậy cao hơn. Điều này đặt ra sự nghi ngờ đối với độ tin cậy của các mệnh đề nghịch đảo trong các thang đo được dịch từ tiếng Anh.

Từ item số 3, 6, 10, 14 lần lượt được loại bỏ. Mỗi lần, độ tin cậy của thang đo tăng lên rõ rệt. Sau khi loại bỏ 4 item nghịch đảo, độ tin cậy Alpha của Cronbach của thang đo 11 item là 0,804.

Hệ số tương quan của từng item với toàn bộ thang đo dao động từ 0,238 đến 0,605. Như vậy có thể nói thang đo có độ tin cậy cao và sự ổn định bên trong khá tốt. Riêng item 2 “Dễ lo âu, bồn chồn” chỉ tương quan với thang đo ở mức 0,238, nếu bỏ item này thì độ tin cậy của thang đo tăng lên thành 0,817. Tuy nhiên, chúng tôi quyết định vẫn giữ item này, vì độ tin cậy 0,804 cũng là khá tốt, hơn nữa item này rất đặc trưng cho tính nhiều tâm. Chúng tôi dự định sẽ nghiên cứu tiếp để kiểm tra lại item này, có thể thuật ngữ “bồn chồn” hơi khó xác định nên thay bằng thuật ngữ khác.

Bảng 1: Tương quan của từng item với toàn bộ thang đo sau khi loại bỏ các item nghịch đảo

Item	Tương quan của item với toàn bộ thang đo	Độ tin cậy của thang đo nếu loại bỏ item
1. Lo nghĩ nhiều	0,393	0,8
2. Dễ lo âu, bồn chồn	0,238	0,817
4. Hay nói	0,379	0,802
5. Quảng giao, thích gặp gỡ mọi người	0,458	0,792
7. Khác biệt, hay nảy ra những ý tưởng mới	0,553	0,782
8. Coi trọng những trải nghiệm mang tính nghệ thuật và thẩm mỹ	0,483	0,79
9. Có trí tưởng tượng sinh động	0,605	0,777

11. Có bản tính khoan dung, vị tha	0,537	0,785
12. Chu đáo và tốt bụng với hầu hết mọi người	0,526	0,787
13. Cẩn thận, kĩ lưỡng và chu toàn khi làm việc	0,556	0,784
15. Làm việc một cách hiệu quả	0,537	0,786

Bảng 2: Bảng ma trận xu hướng item - nhân tố

Item	Nhân tố				
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
Sẵn sàng trải nghiệm (Openness to experience)					
9. Có trí tưởng tượng sinh động	0,815				
8. Coi trọng những trải nghiệm mang tính nghệ thuật và thẩm mỹ	0,801				
7. Khác biệt, hay nảy ra những ý tưởng mới	0,791				
Tính dễ mến (Agreeableness)					
12. Chu đáo và tốt bụng với hầu hết mọi người		0,858			
11. Có bản tính khoan dung, vị tha		0,855			
Tính nhieu tâm (Neuroticism)					
2. Dễ lo âu, bồn chồn			0,914		
1. Lo nghĩ nhiều			0,879		
Tính hướng ngoại (Extraversion)					
4. Hay nói				0,88	
5. Quảng giao, thích gặp gỡ mọi người				0,842	
Tính tận tâm (Conscientiousness)					
15. Làm việc một cách hiệu quả					0,839
13. Cẩn thận, kĩ lưỡng và chu toàn khi làm việc					0,816

Chúng tôi đã tiến hành phân tích nhân tố với phép xoay Varimax 11 item thu được. Kết quả cho thấy, các item được sắp xếp thành 5 nhân tố, có giá

trị riêng lớn hơn 1, giải thích được 77,6% sự biến thiên của dữ liệu, hệ số KMO = 0,72; $p < 0,001$ (bảng 2).

Kết quả phân tích nhân tố thu được phù hợp với cấu trúc của thang đo gốc Big Five Inventory 15 item. Các mặt tính cách đều có tương quan thuận với nhau (xem bảng 3). Trong đó, tính tận tâm tương quan chặt chẽ nhất với tính dễ mến và tính sẵn sàng trải nghiệm.

Bảng 3: Tương quan giữa các thành tố và thang BFI - S

Các thành tố	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(BFI - S)
(1) Tính nhiều tâm	1					
(2) Tính hướng ngoại	0,137*	1				
(3) Sẵn sàng trải nghiệm	0,162**	0,347**	1			
(4) Tính dễ mến	0,224**	0,282**	0,435**	1		
(5) Tính tận tâm	0,182**	0,33**	0,472**	0,522**	1	
Toàn bộ thang BFI - S	0,516**	0,628**	0,776**	0,698**	0,708**	1

Chú thích: ** $p < 0,01$; * $p < 0,05$.

Dữ liệu ở bảng 3 cho thấy, cả năm mặt biểu hiện tính cách đều tương quan thuận khá chặt chẽ với toàn thang đo BFI - S (r biến thiên từ 0,516 đến 0,776). Điều này chứng tỏ thang đo BFI - S có cấu trúc ổn định.

4.2. Những đặc điểm tính cách nổi trội của người Việt Nam đầu tuổi trưởng thành

Bảng 4: So sánh các mặt tính cách của thang đo BFI - S

Các mặt tính cách	ĐTB	ĐLC	Khác biệt có ý nghĩa
(1) Tính nhiều tâm	4,72	1,35	$1 > 3$; $p < 0,001$
(2) Tính hướng ngoại	4,71	1,26	$2 > 3$; $p < 0,001$
(3) Sẵn sàng trải nghiệm	4,48	1,15	
(4) Tính dễ mến	5,22	1,05	$4 > 1, 2, 3, 5$; $p < 0,001$
(5) Tính tận tâm	5,13	0,99	$5 > 1, 2, 3$; $p < 0,001$

Mỗi người trong chúng ta đều có cả 5 mặt tính cách nêu trên, tuy nhiên ở mỗi người có những mặt tính cách nổi trội hơn so với các mặt khác. Trong

ngghiên cứu này, khi so sánh từng cặp tính cách, chúng tôi thấy rằng nhóm khách thể có các mặt tính cách nổi trội ở các mức độ khác nhau một cách có ý nghĩa về mặt thống kê (bảng 4).

Mặt tính cách nổi bật nhất của nhóm khách thể là tính dễ mến (ĐTB = 5,22); tiếp theo là tính tận tâm (ĐTB = 5,13); theo sau là tính nhiều tâm và tính hướng ngoại (ĐTB = 4,72; M = 4,71); cuối cùng là tính sẵn sàng trải nghiệm (ĐTB = 4,48).

So sánh các đặc điểm tính cách theo giới tính, kết quả nghiên cứu cho thấy, nữ có tính nhiều tâm và tính hướng ngoại cao hơn nam, trong khi nam có tính sẵn sàng trải nghiệm cao hơn nữ một cách có ý nghĩa về mặt thống kê.

Bảng 5: Sự khác biệt tính cách theo giới tính

Các mặt tính cách	Nam (n = 150)	Nữ (n = 197)	Mức ý nghĩa
(1) Tính nhiều tâm	4,46	4,93	$p < 0,001$
(2) Tính hướng ngoại	4,50	4,86	$p < 0,05$
(3) Sẵn sàng trải nghiệm	4,63	4,39	$p < 0,05$

Trong một nghiên cứu sử dụng thang đo Mini IPIP trên 4.292 sinh viên đại học năm thứ nhất tại Mỹ cho thấy sinh viên nữ có xu hướng nhiều tâm, hướng ngoại và dễ mến hơn nam giới. Về tính nhiều tâm, các tác giả cho rằng có thể nữ giới có xu hướng phản ứng với các sự kiện trong cuộc sống nhiều hơn nam giới. Về tính cách hướng ngoại và dễ mến ở nữ cao hơn nam, các tác giả nhận định đó là bằng chứng cho thấy phụ nữ thường cởi mở và hợp tác hơn trong các mối quan hệ trong cuộc sống (Chen và Sanchez-Hucles, 2007; Richard, 2015).

Phân tích tương quan các đặc điểm tính cách với độ tuổi và điều kiện kinh tế của nhóm khách thể nghiên cứu, chúng tôi thu được kết quả là tính nhiều tâm có tương quan nghịch một cách có ý nghĩa với độ tuổi ($r = -0,15$; $p < 0,01$) và điều kiện kinh tế ($r = -0,16$; $p < 0,01$), trong khi đó tính dễ mến lại tương quan thuận với tuổi ($r = 0,13$; $p < 0,01$). Điều này cho thấy trong giai đoạn từ 25 đến 40 tuổi, càng gần đến 40 tuổi, mọi người càng dễ mến và ít nhiều tâm hơn. Điều kiện kinh tế càng cao, càng ít nhiều tâm hơn. Tuy nhiên, cũng cần lưu ý là các mối tương quan chỉ ở mức rất thấp.

5. Kết luận

Sau khi loại bỏ các câu nghịch đảo trong thang đo BFI - S 15 item, thang BFI - S phiên bản tiếng Việt còn lại 11 item, là thang đo ngắn gọn nhưng có độ tin cậy cao, có cấu trúc và nội dung đảm bảo gần như tương đồng với thang gốc là BFI - S 15 item. Thang rút gọn có thể sử dụng trong những khảo sát về tính cách của người Việt Nam.

Kết quả nghiên cứu cho thấy nữ có tính nhiều tâm và hướng ngoại cao hơn nam, trong khi nam có tính sẵn sàng trải nghiệm cao hơn nữ. Tính nhiều tâm tương quan nghịch một cách có ý nghĩa với độ tuổi và điều kiện kinh tế; tính dễ mến tương quan thuận với độ tuổi nhưng các mối tương quan này chỉ ở mức yếu. Đặc điểm tính cách nổi trội của nhóm khách thể là dễ mến và tận tâm. Đặc điểm có biểu hiện thấp nhất là tính sẵn sàng trải nghiệm.

Kết quả nghiên cứu gợi ý rằng:

+ Các nhà nghiên cứu nên thận trọng với các mệnh đề nghịch đảo (cần đổi điểm) trong các thang đo tiếng Anh khi chuyển ngữ sang tiếng Việt.

+ Mặc dù tính cách là cấu trúc ổn định, các nét tính cách vẫn có thể thay đổi theo độ tuổi, kinh nghiệm sống, điều kiện sống. Điều này chứng tỏ chúng ta có thể rèn luyện để thay đổi một số nét tính cách theo chiều hướng tích cực hơn.

+ Cần có thêm nghiên cứu sử dụng thang đo tính cách 5 nhân tố rút gọn trên các nhóm khách thể khác nhau ở Việt Nam để xác nhận độ tin cậy và độ hiệu lực cấu trúc của thang đo.

Tài liệu tham khảo

1. Chini J.L. and Sanchez-Hucles J. (2007). *Diversity and leadership* [Peer commentary on American Psychologist's special issue on leadership, January 2007]. *American Psychologist*. 62 (6). P. 608 - 609. Doi: 10.1037/0003-066X62.6.608.
2. Costa P.T., McCrae R., Robert R. (1985). *The NEO personality inventory manual*. Odessa. FL: Psychological Assessment Resources.
3. Costa P.T and McCrae R.R. (1992). *NEO PI-R professional manual*. Odessa. FL: Psychological Assessment Resources. Inc.
4. Costa P.T, McCrae R.R., Martin T.A. (2005). *The NEO PI-3: A more readable revised NEO personality inventory*. *Journal of Personality Assessment*. 84 (3). P. 261 - 270.
5. Costa P.T, McCrae, R.R.; Martin, Thomas A. (2005). *Age Trends and Age Norms for the NEO Personality Inventory-3 in Adolescents and Adults*. *Psychological Assessment*. 12 (4). P. 363 - 373.

6. Costa P.T., McCrae R.R. (2010). *NEO Inventories: Professional manual*. Lutz F.L.: Psychological Assessment Resources. Inc.
7. Donnellan M. Brent, Frederick L. Oswald, Brendan M. Baird and Richard E. Lucas (2006). *The Mini-IPIP Scales: Tiny-Yet-Effective Measures of the Big Five Factors of Personality*. Psychological Assessment. 18 (2). P. 192 - 203.
8. Frieder R. Lang, Dennis John, Oliver Lüdtke, Jürgen Schupp and Gert G. Wagner (2011). *Short assessment of the Big Five: Robust across survey methods except telephone interviewing*. Behavior Research Methods. Open access. Springer.
9. Furnham A., Joanna Moutafi and John Crump (2003). *The relationship between the revised NEO - Personality Inventory and the myers-briggs type indicator*. Social Behaviour and Personality. 31 (6). P. 577 - 584.
10. Phạm Minh Hạc (Chủ biên, 2007). *Nghiên cứu giá trị nhân cách theo phương pháp NEO PI - R*. NXB Khoa học xã hội.
11. Richard M. Wielkiewicz (2015). *Confirmatory and exploratory factor analysis of the Mini - IPIP with a multi - institutional sample of firstyear college students*. Retrieved from the DigitalCommons@CSB/SJU.
12. Ruth E. Baldsaro, Michael J. Shanahan and Daniel J. Bauer (2013). *Psychometric Properties of the Mini-IPIP in a Large, Nationally Representative Sample of Young Adults*. Journal of Personality Assessment. 95 (1). P. 74 - 84.
13. Schmidt F.L., Le H., Ilies R. (2003). *Beyond alpha: An empirical examination of the effects of different sources of measurement error on reliability estimates for measures of individual differences constructs*. Psychological Methods. 8. P. 206 - 224.